

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1753/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới
nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Văn bản số 521/VPCP-NN ngày 15/01/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành nội dung trọng tâm xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, điều kiện, tiêu chí xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020, định hướng chỉ đạo xây dựng tiêu chí huyện nông thôn mới kiểu mẫu;

Căn cứ Văn bản số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/02/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định 3589/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 1462/TTr-SNN-VPĐP ngày 08/5/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành trong việc phối hợp với UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (gọi chung là UBND cấp huyện):

- Rà soát, đánh giá đối với các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới do ngành phụ trách theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai;

- Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới nâng cao thuộc chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành phụ trách, cụ thể như sau:

1. Sở Xây dựng phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 1, tiêu chí số 9.

2. Sở Giao thông Vận tải phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 2.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 3; các chỉ tiêu 10.2, 10.3, 10.4, 10.5 (tiêu chí số 10); các chỉ tiêu 13.2, 13.3 (tiêu chí số 13); chỉ tiêu 17.1 (tiêu chí số 17).

4. Sở Công Thương phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 4, tiêu chí số 7.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 5, tiêu chí số 14.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 6; các chỉ tiêu 16.1, 16.3, 16.4 (tiêu chí số 16).

7. Sở Thông tin và Truyền thông phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 8.1 (tiêu chí số 8).

8. Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 8.2 (tiêu chí số 8); chỉ tiêu 10.6 (tiêu chí số 10).

9. Cục Thống kê tỉnh phụ trách, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 10.1 (tiêu chí số 10).

10. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 11, tiêu chí số 12.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 13.1 (tiêu chí số 13).

12. Sở Y tế phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với tiêu chí số 15. Đồng thời chủ trì phụ trách, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 17.5 (tiêu chí số 17).

13. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 16.2 (tiêu chí số 16); chỉ tiêu 18.4 (tiêu chí số 18). Đồng

thời chủ trì phụ trách, phối hợp Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 16.5 (tiêu chí số 16).

14. Sở Tài nguyên và Môi trường phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với các chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.4, 17.6 (tiêu chí số 17).

15. Sở Nội vụ phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với các chỉ tiêu 18.1, 18.2 (tiêu chí số 18).

16. Ban Dân vận Tỉnh ủy phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 18.3 (tiêu chí số 18).

17. Công an tỉnh phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá đối với chỉ tiêu 19.1 (tiêu chí số 19).

18. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh phụ trách hướng dẫn thực hiện, đánh giá chỉ tiêu 19.2 (tiêu chí số 19).

19. Các sở, ngành đã được phân công phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giữ vững và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, thường xuyên kiểm tra và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm đối với các chỉ tiêu, tiêu chí này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương:

- Công bố Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Hướng dẫn triển khai tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch, tổng hợp, lập kế hoạch hàng năm của tỉnh trên cơ sở kế hoạch của các ngành, địa phương. Lập báo cáo đánh giá và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao của toàn tỉnh trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. UBND cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn các xã thực hiện, đánh giá, tổng hợp và công bố mức độ đạt được từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao từng xã của huyện. Kết quả báo cáo gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh; đồng thời gửi các sở, ngành có liên quan trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

3. UBND các xã đạt chuẩn nông thôn mới căn cứ Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của tỉnh để thực hiện và đánh giá tỷ lệ, kết quả đạt được trong năm và báo cáo gửi về UBND cấp huyện trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

4. Các sở, ngành của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, phối hợp với các địa phương, theo dõi, đánh giá các tiêu chí từng xã. Hàng năm, trước khi công bố kết quả đánh giá các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao do ngành phụ

trách, phải có sự thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh và Cục Thống kê tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 4309/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu (tiêu chí) trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Đồng Nai.

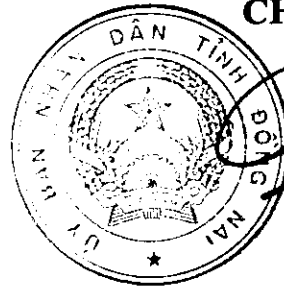
Điều 5: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể; Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 5 (thực hiện);
- Ban Chỉ đạo TW CTMTQG XDNTM;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối TW CTMTQG XDNTM;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP.UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối CTXD NTM tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CNN, VX, TH.

(Khoa.Cnn/213.botieuchintmnangcao)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Thái



**TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH ĐỒNG NAI
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Được ban hành kèm theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai)

I. Đạt chuẩn Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

II. Đạt các tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
I. QUY HOẠCH			
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch	Đạt
		1.2. Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn (hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới) mà không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm theo quy định	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%
		2.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥ 70%
		2.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	≥ 50%
		2.4. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	100%
		2.5. Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	≥ 70%
		2.6. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước, kể cả nước ngầm)	≥ 85%
		3.2. Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa và duy tu bảo dưỡng thường xuyên	100%
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tích cây trồng cạn trên địa bàn xã	Năm 2018: ≥ 35%; Năm 2019: ≥ 40%; Năm 2020: ≥ 45%
4	Điện	Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch.	≥ 85%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS, được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia	≥ 75%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Trung tâm Văn hóa – Thể thao học tập cộng đồng xã, Nhà văn hóa áp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả	100%
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo chuẩn của tỉnh và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn	Đạt
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Đạt
		8.2. Có hoạt động cung cấp thông tin khoa học công nghệ thông qua trang thông tin điện tử của địa phương đạt hiệu quả	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng	≥ 99%
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
10	Thu nhập và Phát triển sản xuất	10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm	Năm 2018: ≥ 61 triệu; Năm 2019: ≥ 64 triệu; Năm 2020: ≥ 66 triệu

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
		10.2. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế)	Năm 2018: ≥ 150 triệu; Năm 2019: ≥ 160 triệu; Năm 2020: ≥ 170 triệu
		10.3. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương	$> 80\%$
		10.4. Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt
		10.5. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt
		10.6. Xã có ít nhất một nhãn hiệu được chứng nhận	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 theo chuẩn của tỉnh	$< 1\%$
12	Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên	12.1. Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	$\geq 95\%$
		12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn xã được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn xã	$\geq 65\%$
13	Hình thức tổ chức sản xuất	13.1. Tỷ lệ Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	$\geq 80\%$
		13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT, CLB	$\geq 50\%$
		13.3. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương	Đạt
IV. VĂN HÓA – XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG			
14	Giáo dục	14.1. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo	100%
		14.2. Tỷ lệ huy động trẻ (từ 12 đến 36	$\geq 50\%$

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
		tháng tuổi) vào nhà trẻ	
		14.3. Xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	≥ 90%
		15.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn	< 1%
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	< 12%
16	Văn hóa	16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định	Đạt
		16.2. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn áp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL	100%
		16.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥ 99%
		16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy định pháp luật mà không được xử lý và khắc phục kịp thời	Đạt
		16.5. Tỷ lệ áp dụng xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng	100%
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định	Năm 2018: ≥ 75%; Năm 2019: ≥ 80%; Năm 2020: ≥ 85%
		17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 97%
		17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người	100%
		17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh – sạch – đẹp”	≥ 90%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ			
18	Hệ thống tổ chức chính trị	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh	Đạt
		18.2. Xã có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới	Đạt
		18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh	Đạt
		18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã	≥ 90%
19	An ninh – Quốc phòng	19.1. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự	Đạt
		19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng	Đạt